

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		175 509 231 032	184 347 277 953
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11 876 884 532	10 778 974 522
1. Tiền	111	V.01	11 876 884 532	10 778 974 522
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		44 214 811 955	46 326 278 053
1. Phải thu khách hàng	131		33 539 827 146	34 083 218 935
2. Trả trước cho người bán	132		10 856 677 201	12 124 075 721
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	525 209 248	825 885 037
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(706 901 640)	(706 901 640)
IV. Hàng tồn kho	140		113 222 887 945	125 578 899 695
1. Hàng tồn kho	141	V.04	113 522 887 945	125 578 899 695
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(300 000 000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6 194 646 600	1 663 125 683
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 672 497 200	1 070 848 930
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2 033 888 674	2 520 720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	652 712 476	386 692 078
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		835 548 250	203 063 955
B/= TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		50 949 406 879	47 828 287 595
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		47 916 806 617	44 872 154 158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	35 089 233 717	32 029 956 258
- Nguyên giá	222		65 630 517 952	61 140 401 519
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30 541 284 235)	(29 110 445 261)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11 807 404 300	11 822 029 300
- Nguyên giá	228		12 431 016 280	12 431 016 280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(623 611 980)	(608 986 980)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1 020 168 600	1 020 168 600
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại			2 077 860 715	2 207 709 258
VI. Tài sản dài hạn khác	260		954 739 547	748 424 179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	542 489 547	336 174 179
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		412 250 000	412 250 000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		226 458 637 911	232 175 565 548

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

 ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		139 552 155 329	145 978 948 780
I. Nợ ngắn hạn	310		138 502 155 329	145 378 948 780
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	69 947 202 385	94 786 971 186
2. Phải trả người bán	312		51 895 773 358	32 243 054 940
3. Người mua trả tiền trước	313		12 730 514 554	12 909 192 080
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	742 235 753	1 698 061 277
5. Phải trả người lao động	315		1 248 087 020	1 287 439 235
6. Chi phí phải trả	316	V.17	397 769 578	888 124 949
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1 526 038 429	1 551 570 861
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14 534 252	14 534 252
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1 050 000 000	600 000 000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1 050 000 000	600 000 000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B/= VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		84 918 239 377	83 986 096 088
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	84 918 239 377	83 986 096 088
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111 161 690 000	111 161 690 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		635 620 600	635 620 600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1 092 211 052	1 092 211 052
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3 217 014 639	3 217 014 639
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(31 188 296 914)	(32 120 440 203)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C/= LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1 988 243 205	2 210 520 679
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		226 458 637 911	232 175 565 548

Người lập biểu

PHẠM HỒNG NGỌC

Giám Đốc Tài Chính

CHU THỊ NGỌC HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 9 tháng 5 năm 2014

Tổng Giám Đốc

DỊCH VỤ Ô TÔ

HÀNG XANH

BÌNH THẠNH - T.P. HỒ CHÍ MINH

ĐỖ TIẾN DÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Quý 1 Năm 2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	248 280 045 411	120 810 520 745	248 280 045 411	120 810 520 745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		36 186 000	0	36 186 000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		248 243 859 411	120 810 520 745	248 243 859 411	120 810 520 745
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	240 328 548 620	113 782 002 057	240 328 548 620	113 782 002 057
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7 915 310 791	7 028 518 688	7 915 310 791	7 028 518 688
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	9 297 557	35 727 382	9 297 557	35 727 382
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1 219 329 593	1 992 025 597	1 219 329 593	1 992 025 597
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1 219 329 593	1 901 650 749	1 219 329 593	1 901 650 749
8. Chi phí bán hàng	24		4 993 889 883	4 880 558 282	4 993 889 883	4 880 558 282
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2 400 698 616	2 272 536 935	2 400 698 616	2 272 536 935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)(24+25)]	30		(689 309 744)	(2 080 874 744)	(689 309 744)	(2 080 874 744)
11. Thu nhập khác	31		3 468 692 700	4 944 156 469	3 468 692 700	4 944 156 469
12. Chi phí khác	32		1 847 239 667	1 016 018 668	1 847 239 667	1 016 018 668
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1 621 453 033	3 928 137 801	1 621 453 033	3 928 137 801
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		932 143 289	1 847 263 057	932 143 289	1 847 263 057
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	0	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		932 143 289	1 847 263 057	932 143 289	1 847 263 057
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(222 277 474)	(320 684 098)	(222 277 474)	(320 684 098)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			1 154 420 763	2 167 947 155	1 154 420 763	2 167 947 155
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu



PHẠM HỒNG NGỌC

Giám Đốc Tài Chính



CHU THỊ NGỌC HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 9 tháng 5 năm 2014

Tổng Giám Đốc



ĐỖ TIẾN DỪNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***QUÝ 1 NĂM 2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước
I/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			-	
1. Lợi nhuận trước thuế	01		932 143 289	1 847 263 057
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12	1 445 463 974	1 582 782 377
- Các khoản dự phòng	03	V.3	(300 000 000)	(187 394 828)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		149 002 933	58 839 221
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1 296 136 873	1 903 454 903
3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		3 522 747 069	5 204 944 730
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1 156 576 784	20 803 096 542
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12 056 011 753	(13 616 753 251)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18 870 713 007	3 883 724 497
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1 807 963 638)	615 048 732
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1 020 792 238)	(1 951 504 090)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2 500 000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(537 287 578)	(71 892 363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32 240 005 159	14 869 164 797
II/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6 710 130 284)	(137 505 750)
2. Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	V.7	1 500 000 000	1 054 545 455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	7 803 936	23 097 109
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5 202 326 348)	940 136 814
III/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	-
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Trả vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	72 916 313 876	61 270 980 905
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(98 856 082 677)	(77 792 714 941)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25 939 768 801)	(16 521 734 036)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1 097 910 010	(712 432 425)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10 778 974 522	9 586 050 703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	11 876 884 532	8 873 618 278

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 9 tháng 5 năm 2014

Người lập biểu

Giám Đốc Tài Chính

Tổng Giám Đốc



PHẠM HỒNG NGỌC



CHU THỊ NGỌC HUYỀN



ĐỖ TIẾN DŨNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.

4. **Tổng số các Công ty con** : 2

5. Chi tiết Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 72,62 %
Quyền biểu quyết	: 72,62 %

Tên Công ty	: Công ty TNHH MTV Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 274, 30/4, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 72,62 %
Quyền biểu quyết	: 72,62 %

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong cùng Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong cùng Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh: phương pháp thực tế đích danh.
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	3 – 15

7. Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản chi phí thực tế Công ty chi ra để sửa chữa lớn tài sản. Chi phí sửa chữa được phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{3}$ tháng lương (đối với Công ty mẹ) và 3% quỹ lương (đối với Công ty con) làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông tại công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ riêng của từng Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong cùng Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/03/2014 : 21.115 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền :**

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	4 498 709 684	5 311 879 779
Tiền gửi ngân hàng	7 378 174 848	5 467 094 743
Cộng	11 876 884 532	10 778 974 522

2. Phải thu khách hàng:

Phải thu tiền bán xe và sửa chữa xe ô tô

3. Trả trước cho người bán:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	10 856 677 201	12 124 075 721
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	10 856 677 201	12 124 075 721

4. Các khoản phải thu khác :

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu tiền chiết khấu của Cty TNHH LD SX Ô Tô Ngôi Sao	-	118 400 000
Khoản phải thu khác	525 209 248	707 485 037
Cộng	525 209 248	825 885 037

5. Hàng tồn kho :

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	23 597 157 230	20 708 021 155
Hàng hóa	89 925 730 715	104 870 878 540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(300 000 000)	-
Cộng	113 222 887 945	125 578 899 695

6. Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	352 657 496	200 265 114
Công cụ, dụng cụ	262 690 116	83 381 003
Chi phí khác	2 057 149 588	787 202 813
Cộng	2 672 497 200	1 070 848 930

7. Tài sản ngắn hạn khác:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	833 681 930	201 201 930
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1 866 320	1 862 025
Cộng	835 548 250	203 063 955

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá đầu quý	32 448 516 096	11 595 106 341	15 536 783 296	1 253 760 909	306 234 877	61 140 401 519
Mua sắm mới	-	1 594 146 180	5 115 984 104	-	-	6 710 130 284
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2 220 013 851)	-	-	(2 220 013 851)
Chuyển sang góp vốn						-
Số cuối quý	32 448 516 096	13 189 252 521	18 432 753 549	1 253 760 909	306 234 877	65 630 517 952
Gia trị hao mòn đầu quý	19 303 667 724	6 793 741 839	1 601 114 600	1 105 686 221	306 234 877	29 110 445 261
Khấu hao	597 956 727	561 720 676	642 604 045	44 810 118	-	1 847 091 566
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(416 252 592)	-	-	(416 252 592)
Số cuối quý	19 901 624 451	7 355 462 515	1 827 466 053	1 150 496 339	306 234 877	30 541 284 235
Gia trị còn lại đầu quý	15 987 494 542	7 142 412 059	12 789 178 982	194 169 364	42 378 292	36 155 633 239
Số cuối quý	12 546 891 645	5 833 790 006	16 605 287 496	103 264 570	-	35 089 233 717

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014****9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình:**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giá trị hao mòn	Số cuối quý
Quyền sử dụng đất	11 646 416 800			11 646 416 800
Phần mềm quản lý	175 612 500	-	14 625 000	160 987 500
Cộng	11 822 029 300	-		11 807 404 300

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ cơ bản dở dang	1 020 168 600	1 020 168 600
Cộng	1 020 168 600	1 020 168 600

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	542 489 547	336 174 179
Cộng	542 489 547	336 174 179

12. Tài sản dài hạn khác, ký quỹ, ký cược dài hạn:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	412 250 000	412 250 000
Cộng	412 250 000	412 250 000

13. Vay và nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	64 947 202 385	89 786 971 186
Vay ngắn hạn khác bằng phát hành kỳ phiếu nội bộ	5 000 000 000	5 000 000 000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	-
Cộng	69 947 202 385	94 786 971 186

*Khoản vay Ngân Hàng dùng để kinh doanh mua bán xe ô tô, khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng hóa là xe ô tô.

14. Phải trả người bán:

Phải trả nhà cung cấp trong nước tiến hàng hóa, dịch vụ.

15. Người mua trả tiền trước:

Khách hàng ứng trước tiền mua xe.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1 521 748 072	3 535 568 388	(4 958 379 711)	98 936 749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4 465 499)	90 340 330	(90 340 330)	(4 465 499)
Thuế thu nhập cá nhân	103 650 432	146 577 079	(181 381 877)	68 845 634
Tiền thuê đất	(309 563 806)	235 770 199	-	(73 793 607)
Các khoản phải nộp khác		5 000 000	(5 000 000)	-
Cộng	1 311 369 199	4 013 255 996	(5 235 101 918)	89 523 277

17. Phải trả người lao động:

Lương còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014****18. Chi phí phải trả**

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	82 638 889	143 765 591
Chi phí lãi kỳ phiếu	-	-
Chi phí lãi trả chậm MBV	120 348 188	40 830 280
Chi phí thuê phần mềm MBV	100 295 430	-
Hoa Hồng môi giới	-	212 601 050
Chi phí khác	94 487 071	490 928 028
Cộng	397 769 578	888 124 949

19. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	498 162 078	395 842 910
Nhận ký quỹ ngắn hạn	250 000 000	250 000 000
Tiền thuê kho phải trả Samco	383 000 000	383 000 000
Hàng thừa chờ xử lý	12 640 835	12 640 835
Chi trả cổ tức năm 2009	86 875 200	86 875 200
Các khoản phải trả khác	295 360 316	423 211 916
Cộng	1 526 038 429	1 551 570 861

20. Vốn chủ sở hữu:

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	111 161 690 000	635 620 600	1 092 211 052	3 217 014 639	(32 120 440 203)	83 986 096 089
Phân phối các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	932 143 289	932 143 289
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chi thường	-	-	-	-	-	-
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	111 161 690 000	635 620 600	1 092 211 052	3 217 014 639	(31 188 296 914)	84 918 239 378

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty mẹ)

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà Nước	36 277 240 000	36 277 240 000
Vốn góp của các cổ đông khác	74 248 829 400	74 248 829 400
Thặng dư vốn cổ phần	635 620 600	635 620 600
Cộng	111 161 690 000	111 161 690 000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty con)

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty Mẹ	16 117 900 000	16 117 900 000
Vốn góp của Cổ đông khác	6 076 050 000	6 076 050 000
Cộng	22 193 950 000	22 193 950 000

Cổ phiếu (đang lưu hành với mệnh giá 10.000VNĐ/CP).

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11 116 169	11 116 169
- Cổ phiếu phổ thông	11 116 169	11 116 169
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

- * Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.
- * Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu :	248 280 045 411	120 810 520 745
- Doanh thu bán xe ô tô	224 536 819 425	98 863 589 361
- Doanh thu sửa chữa, bán phụ tùng	23 686 108 325	21 900 033 548
- Doanh thu khác	57 117 661	46 897 836
Các khoản giảm trừ doanh thu	36 186 000	-
Doanh thu thuần	248 243 859 411	120 810 520 745

2. Giá vốn hàng bán:

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng giá vốn :	240 328 548 620	113 782 002 057
- Giá vốn bán xe ô tô	218 075 720 880	93 853 098 692
- Giá vốn sửa chữa, bán phụ tùng	22 251 408 680	19 887 397 535
- Giá vốn khác	1 419 060	41 505 830

3. Doanh thu hoạt động tài chính :

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	9 297 557	21 304 027
- Lãi cho vay vốn	-	809 156
- Lãi phạt quá hạn thanh toán	-	6 110 104
- Doanh thu tài chính khác	-	7 504 095
Cộng	9 297 557	35 727 382

4. Chi phí tài chính:

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Trả lãi tiền vay	1 219 329 593	1 901 650 749
- Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	90 374 848
Cộng	1 219 329 593	1 992 025 597

5. Chi phí bán hàng:

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	1 803 920 283	1 335 413 405
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	301 049 049	268 920 293
- Chi phí khấu hao TSCĐ	791 759 930	984 580 620
- Chi phí ngân hàng	37 590 363	46 192 052
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	824 836 122	845 048 552
- Chi phí khác	1 234 734 136	1 400 403 360
Cộng	4 993 889 883	4 880 558 282

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1 141 044 490	1 354 011 998
- Chi phí VPP, vật liệu quản lý	67 603 728	32 123 657
- Chi phí khấu hao TSCĐ	258 391 863	120 680 781
- Thuế, phí và lệ phí	188 909 418	123 513 392
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50 017 535	29 164 793
- Chi phí bằng tiền khác	689 952 639	613 042 314
Cộng	2 400 698 616	2 272 536 935

7. Thu nhập khác:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1 500 000 000	1 054 545 455
- Thu nhập từ các khoản khác	1 968 692 700	3 889 611 014
Cộng	3 468 692 700	4 944 156 469

8. Chi phí khác:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý TSCĐ	1 803 761 260	995 706 234
- Chi phí khác	43 478 407	20 312 434
Cộng	1 847 239 667	1 016 018 668

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thu nhập của Thành viên Ban Tổng Giám Đốc:**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	406 200 000	212 119 661
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	16 038 000	12 621 000
Cộng	422 238 000	224 740 661

Về chính sách kế toán, hiện tại công ty vẫn áp dụng các chuẩn kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15/02/2005, Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 21/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006 như sau :

- VAS 11 Hợp nhất kinh doanh.
- VAS 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- VAS 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.
- VAS 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- VAS 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- VAS 28 Báo cáo bộ phận.
- VAS 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- VAS 30 Lãi trên cổ phiếu.

Ngoài ra, công ty vẫn áp dụng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp mới ban hành theo Quyết định số 15/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/09 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kế toán.

Trong thời gian thực hiện các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính quý này và các quý trước của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2014

2. Một số thuyết minh khác:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Quý 1/2014 giảm so với Quý 1/2013 và tăng so với Quý 4/2013 do các nguyên nhân sau:

* Trong Quý 1/2014, công ty chưa ghi nhận các khoản thu nhập từ chiết khấu bán hàng do chờ đối chiếu và xác nhận từ phía công ty đối tác, với Quý 1/2013 thì đã ghi nhận đầy đủ các khoản chiết khấu này.

* Chi phí tài chính giảm 39% và chi phí bán hàng giảm 17% so với Quý 4/2013, làm cho lợi nhuận trước thuế quý này tăng 11% so với Q4/2013.

Người lập



PHẠM HỒNG NGỌC

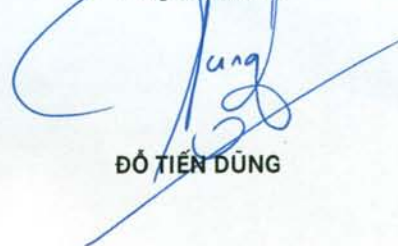
Kế toán trưởng



CHU THỊ NGỌC HUYỀN

TP.HCM, Ngày 09 tháng 05 năm 2014

Tổng Giám đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG